

Bản án số: 1843/2020/KDTM-ST  
Ngày: 13/11/2020  
V/v tranh chấp “hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Thanh Mười

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hữu Luân

2. Bà Nguyễn Thanh Phước

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Luy – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh:* Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2163/2018/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 591/2020/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty P

Trụ sở: 11 V, phường M, quận N, Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ liên lạc: Tầng 3, Tòa nhà L, 67 đường M, phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân T (Văn bản ủy quyền số 28/GUQ-PTHH ngày 01/11/2017) (*xin vắng mặt*).

Bị đơn: Công ty H

Trụ sở: 223 Đ, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Hồng K, sinh năm 1970 (*vắng mặt*).

Thường trú: 84/3 B, Phường G, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 52 N, Phường L, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty P trình bày yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 25/4/2008, Công ty P và Công ty H ký Hợp đồng kinh tế số 26/04/HĐKT. Theo nội dung của hợp đồng: Công ty P cho Công ty H thuê thiết bị dùng để vận chuyển hàng hóa là container. Chung loại Container là loại 20 feet và 40 feet, giá thuê theo bản phụ lục I đính kèm Hợp đồng. Tại Điều II của Hợp đồng Kinh tế số: 26/04/HĐKT nói trên có quy định về Phương thức và điều kiện thanh toán là: Bên bị đơn phải thanh toán tiền thuê cho nguyên đơn từng tháng (chậm nhất là 15 ngày) kể từ khi bên bị đơn nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán. Hợp đồng cũng có quy định nếu bên thuê làm thất lạc hoặc hư hỏng phải bồi thường giá trị container là: 2000 USD/01 container 40 feet.

Sau khi ký Hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp thiết bị là container với số lượng theo yêu cầu của bị đơn. Trong quá trình thuê, bị đơn trả tiền thuê bình thường nhưng đến đầu năm 2011, bị đơn vi phạm về điều khoản thanh toán.

Cụ thể như sau:

Tính đến tháng 03/2012, bị đơn còn nợ tiền thuê container là: 97.266.312 đồng. Về thiết bị thuê thì bị đơn còn giữ của nguyên đơn 04 container 40 feet.

Trong các ngày 13/03/2012, ngày 16/04/2012 và ngày 28/05/2012 nguyên đơn đã gửi các công văn đòi tiền thuê và 04 container mà bị đơn chưa trả nhưng bị đơn không có bất kỳ văn bản trả lời nào.

Đến ngày 03/07/2012, ông Nguyễn Ngọc Hồng K - Giám đốc Công ty H đến Chi nhánh Công ty P tại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc và hai bên đi đến thống nhất với nội dung cụ thể như sau:

- 04 container mà bị đơn đã làm thất lạc nay sẽ trả lại cho nguyên đơn bằng các container khác.

- Tiền thuê container mà bị đơn còn nợ là 97.266.312 đồng sẽ được trả hoặc căn trừ vào việc cung cấp container khác cho nguyên đơn theo giá thị trường dự kiến là 2000 USD/01 container 40 feet.

- Thời gian thực hiện là trước 15/07/2012.

Từ sau khi ký biên bản làm việc ngày 03/7/2012 cho đến nay, bị đơn không thực hiện những cam kết đã được các bên thống nhất thỏa thuận. Do bị đơn không thực hiện theo Biên bản làm việc ngày 03/7/2012, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn các khoản tiền cụ thể như sau:

Nợ tiền thuê container là: 97.266.312 đồng + Tiền bồi thường do bị đơn làm thất lạc 04 container 40 feet: 4 cont x 2000 USD/cont x 20.810 VND/USD (tỷ giá ngày 02/10/2012) = 263.746.312 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm mười hai đồng).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực. Nguyên đơn xác định không yêu cầu đưa thêm tổ chức, cá nhân khác vào tham gia tố tụng, không yêu cầu thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp Đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày ở trên.

Về phía bị đơn, Công ty H có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Ngọc Hồng K - Giám đốc, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập phía bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Công ty P và Công ty H là tranh chấp về “Hợp đồng thuê tài sản”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; hiện trụ sở của bị đơn tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét, trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa

vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty H và ông Nguyễn Ngọc Hồng K tại địa chỉ trụ sở của bị đơn đã đăng ký và được ghi trong hợp đồng theo qui định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, lấy yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do các bên đã xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt Công ty H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”*

Công ty H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên Công ty H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

*Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét, yêu cầu của nguyên đơn Công ty P là yêu cầu bị đơn Công ty H phải thanh toán cho Công ty P tiền thuê container còn nợ là 97.266.312 đồng + tiền bồi thường do bị đơn làm thất lạc 04 container 40 feet là 166.480.000 đồng = 263.746.312 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm mười hai đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Xét tính pháp lý của Hợp đồng kinh tế số 26/04/HĐKT ngày 25/4/2008: Hợp đồng được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn ký kết trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ ý chí của các bên giao kết, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo về mặt hình thức. Vì vậy, hợp đồng có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 74, Điều 269 Luật Thương mại, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

[7] Thực hiện hợp đồng trên, nguyên đơn đã giao hàng và đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn, sau đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

[8] Xét biên bản làm việc ngày 03/07/2012 giữa nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn thì phía bị đơn có xác nhận: Tiền thuê container

bên bị đơn Công ty H còn nợ tính đến tháng 03/2012 là 97.266.312 đồng, bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn bằng cách bù lại giá trị số container bị đơn hiện lưu giữ; số container bị đơn còn thuê của nguyên đơn là 04 cái loại 40 feet, bị đơn đã làm thất lạc và bị đơn cũng sẽ trả lại bằng số container khác, thời gian dự kiến thực hiện là trước ngày 15/7/2012; nhưng đến nay bên bị đơn không thực hiện.

Phía nguyên đơn xác nhận chữ ký trên biên bản làm việc ngày 03/07/2012 là của người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Ngọc Hồng K.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều III của Hợp đồng kinh tế số 26/04/HĐKT ngày 25/4/2008 thì trị giá bồi thường thất lạc của 01 container loại 40 feet là 2000 USD; việc nguyên đơn yêu cầu tính tỷ giá USD là 20.810 VND/USD (tỷ giá ngày 02/10/2012) là thấp hơn so với thời điểm xét xử, là có lợi cho bị đơn, nên có cơ sở chấp nhận giá trị bồi thường là:  $4 \times (2000 \times 20.810 \text{ đồng}) = 166.480.000 \text{ đồng}$ .

[9] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thể hiện từ khi xác nhận công nợ ngày 03/07/2012 đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

[10] Đối với bị đơn: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền thuê container còn nợ là 97.266.312 đồng + tiền bồi thường do bị đơn làm thất lạc 04 container 40 feet là 166.480.000 đồng = 263.746.312 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm mười hai đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[12] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[13] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[14] Quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[15] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 11, Điều 74, Điều 269, Điều 270 và Điều 271 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 117, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

### **Tuyên xử:**

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn, Công ty P và bị đơn, Công ty H.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P, buộc Công ty H phải hoàn trả lại cho Công ty P số tiền thuê container còn nợ là 97.266.312 đồng + tiền bồi thường do bị đơn làm thất lạc 04 container 40 feet là 166.480.000 đồng, tổng cộng là 263.746.312 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm mười hai đồng) do bị đơn vi phạm các thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng kinh tế số 26/04/HĐKT ngày 25/4/2008. Trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn



yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về án phí sơ thẩm:** Bị đơn Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.187.316 đồng (Mười ba triệu một trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm mười sáu đồng), thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty P số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 6.593.658 đồng theo biên lai thu số AH/2011/04541 ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

**4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt bị đơn Công ty H.**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp nghĩa vụ trả tiền trên được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:*

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LƯƠNG THANH MƯỜI**

